

Bản án số: 54/2021/DS-ST

Ngày 15 – 10 - 2021

*“Tranh chấp về bồi thường thiệt hại
theo Luật trách nhiệm bồi thường
của Nhà nước”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Đình Bông

2/ Ông Hồ Quang Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Đình Hội – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Tống Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp về yêu cầu bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52A/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 243/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 139/2021/QĐST-DS ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ánh M, (tên gọi khác: Phạm Thị M) - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh M: Ông Phạm Ngọc H (Văn bản ủy quyền ngày 06/10/2021) – Có mặt

Địa chỉ: Buôn K62, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ủy ban nhân dân huyện K (UBND huyện K).

Địa chỉ: Đường Võ Văn K, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Ngọc S –C/v: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Ngọc S: Ông Trần Đăng A –C/v: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K - Có mặt.

Địa chỉ: Đường Võ Văn K, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh M trình bày:

Theo thông báo số 78/TB-UBND ngày 24/07/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về kết quả giải quyết tố cáo xác định bà Phạm Thị Ánh M tố cáo đúng về việc để xảy ra sai sót trong việc tham mưu phương án bồi thường, hỗ trợ thuộc về ông Bùi Tấn B, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện K giai đoạn 2017; trách nhiệm trong việc tham mưu quyết định thu hồi đất thuộc về Phòng tài nguyên môi trường huyện K giai đoạn 2017. Trách nhiệm trong việc ban hành quyết định số 1384/QĐ-UBND thuộc về UBND huyện K, trong đó người ký là ông Ngô Xuân Đ – Phó chủ tịch UBND huyện K thời điểm tháng 06/2017.

Nội dung sự việc như sau: UBND huyện K khi phê duyệt quy hoạch chi tiết và cấm mốc lộ giới khu trung tâm thị trấn M giai đoạn năm 2006-2030, thì tuyến đường quy hoạch đường N11 đã được điều chỉnh nấn tuyến hướng về phía đất hộ nhà bà Phạm Thị Ánh M tại điểm nối với tỉnh lộ 4, trong khi quy hoạch chung xây dựng thị trấn M đã được chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 785/QĐ-UBND huyện K ngày 23/08/2004 chưa có điều chỉnh là không đúng với khoản 1, điều 23 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của chính phủ về quy hoạch xây dựng. Trách nhiệm thuộc về cơ quan thẩm định là phòng hạ tầng kinh tế huyện K giai đoạn năm 2007; cơ quan phê duyệt là UBND huyện K giai đoạn 2007.

Vì các sai phạm trong việc quy hoạch và thu hồi vi phạm quy định pháp luật của UBND huyện K đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích kinh tế, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc công tác của bà M như: bị cắt thi đua của cá nhân, tập thể nhà trường, chi bộ. Bị vu khống là khiếu nại tố cáo để vu khống cán bộ, là một cán bộ quản lý nhưng thiếu chuẩn mực, tư cách đạo đức. Khi UBND huyện thu hồi đất để làm các công trình công cộng thì bà M có đơn thư vượt cấp gây ảnh hưởng đến huyện và tổ chức nơi bà M công tác. Khi cơ quan tổ chức cưỡng chế kiểm đếm làm cho mẹ bà M 100 tuổi (vợ của liệt sỹ) hoảng loạn ngất xỉu khi đoàn cưỡng chế đến gia đình

bà, gây sốc tâm lý cho mẹ bà M mỗi khi thấy đám đông thì bỏ chạy hậu quả là bị té gãy tay và phải điều trị tâm lý dài ngày cho đến nay vẫn chưa hồi phục. Bà M phải bỏ thời gian theo đuổi việc khiếu nại tố cáo nên vườn cây cối không được chăm sóc, ao không nuôi trồng được thủy sản dẫn đến việc bị mất thu nhiều năm và do lo lắng, bức xúc đã phát bệnh không còn đủ sức khỏe để tiếp tục công tác (về hưu sớm hơn 01 năm), diện tích đất gia đình bà M bị UBND huyện thu hồi trái pháp luật để làm đường N11 đã khiến cho gia đình bà không thể cho thuê được, gây thất thoát nguồn thu trong nhiều năm liền. Trong quá trình khiếu nại tố cáo, bà phải bỏ tiền thuê luật sư, tiền thuê viết đơn, tiền chi phí đi lại lên tỉnh làm việc theo giấy mời và lên yêu cầu giải quyết tố cáo...

Căn cứ vào Thông báo số 78/TB-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông; Thư xin lỗi của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K ngày 06/09/2018; Căn cứ vào kết quả thương lượng không thành ngày 13/8/2020, bà M khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu UBND huyện K giải quyết bồi thường thiệt hại cho gia đình bà M và bà M theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, bao gồm các khoản sau:

- Chi phí điều trị tâm lý, thuốc men, bồi bổ cho mẹ bà M; Tiền thuê bác sỹ điều trị 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), tiền vé máy bay đưa mẹ bà M vào Sài Gòn 25.000.000đ tiền bồi bổ và chăm sóc mẹ bà M 25.000.000đ. Tiền yêu cầu bồi thường là: $50.000.000 + 25.000.000 + 25.000.000 = 100.000.000$ đồng (Một trăm triệu đồng);

- Thiệt hại về kinh tế do không chăm sóc được vườn cây tính từ năm 2014 cho đến nay là 07 năm mỗi năm thất thu khoảng 30.000.000 đồng. Số tiền yêu cầu bồi thường là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ năm} = 210.000.000\text{đ}$ (Hai trăm mười triệu đồng);

- Tiền lương bị thất thu trong 01 năm: $4.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 48.000.000 \text{ đồng}$ (Bốn mươi tám triệu đồng);

- Thiệt hại về thất thu do không tiếp tục cho thuê diện tích đất bị quy hoạch làm đường N11 từ năm 2015 cho đến nay là 05 năm. Tiền cho thuê 01 tháng 5.000.000đ \Rightarrow 01 năm = $5.000.000\text{đ} \times 12 \text{ tháng} = 60.000.000\text{đ/năm}$. Tổng thiệt hại là $60.000.000\text{đ} \times 5 \text{ năm} = 300.000.000 \text{ đồng}$ (Ba trăm triệu đồng);

- Tiền thuê luật sư và chi phí đi lại của luật sư là 200.000.000 đồng trong đó theo hợp đồng là 150.000.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền đi lại;

- Thiệt hại về tiền thuê người viết đơn chi phí như sau: 01 đơn chi phí là $1.500.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ đơn} = 15.000.000 \text{ đồng}$;

- Tiền gửi đơn 5.000.000 đồng (chi phí hóa đơn + xăng xe);

- Thiệt hại về chi phí đi lại như sau: tiền thuê xe ô tô và chi phí ăn uống khi đi xuống tỉnh làm việc 01 chuyến xe + ăn uống là 1.500.000đ tổng số lần đi tỉnh 20 lần số tiền thiệt hại $1.500.000\text{đ} \times 20 = 30.000.000\text{đ}$ (Ba mươi triệu đồng);

- Tiền tổn thất về tinh thần, danh dự của bà M và việc bị cán bộ vu khống, trù dập trong nhiều năm yêu cầu bồi thường 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Tổng cộng 1.408.000.000đ (Một tỷ bốn trăm lẻ tám triệu đồng).

- Yêu cầu UBND huyện K phục hồi danh dự và các danh hiệu thi đua cho cá nhân bà M, cho nhà trường, chi bộ nơi bà M công tác, làm việc;

- Yêu cầu UBND huyện K xin lỗi công khai bà M và tổ chức nơi bà M làm việc tại Ủy ban nhân dân xã D để các cơ quan báo chí, người dân và các tổ chức tham dự chứng kiến.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Đăng A trình bày:

UBND huyện K không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ánh M cụ thể như sau:

* Đối với chi phí điều trị tâm lý, thuốc men, bồi bổ cho mẹ bà M; tiền thuê bác sĩ điều trị, số tiền là 100.000.000 đồng, đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Không Nô cho rằng mẹ bà Phạm Thị Ánh M nay đã lớn tuổi, việc đau ốm là do lớn tuổi, sức đề kháng của con người giảm dần theo độ tuổi. UBND huyện không có tác động nào làm ảnh hưởng đến tâm lý có liên quan đến việc đau ốm của mẹ bà Phạm Thị Ánh M. Cho nên bà Phạm Thị Ánh M yêu cầu UBND huyện K trả chi phí điều trị tâm lý, thuốc men, bồi bổ cho mẹ bà M; tiền thuê bác sĩ điều trị, số tiền là 100.000.000 đồng là không có cơ sở.

* Thiệt hại về kinh tế do không chăm sóc được vườn cây tính từ năm 2014 cho đến nay là 07 năm, số tiền là 210.000.000 đồng. Thực tế UBND huyện chưa thu hồi và cũng chưa thi công đường N11 nên không thể nói ảnh hưởng đến vườn cây của bà Phạm Thị Ánh M. Đối với đường N5 khi thu hồi đất để thi công công trình bà Phạm Thị Ánh M không đồng ý đã khiếu nại, tố cáo và đã được huyện, tỉnh giải quyết, hiện tại đường N5 thi công đến phạm vi đất của bà Phạm Thị Ánh M dừng thi công. Cho nên bà Phạm Thị Ánh M yêu cầu UBND huyện K, bồi thường thiệt hại về kinh tế do không chăm sóc được vườn cây số tiền là 210.000.000 đồng là không có cơ sở.

* Tiền lương bị thất thu trong 01 năm, số tiền là 48.000.000 đồng. UBND huyện K không kỷ luật và cũng không buộc thôi việc đối với bà Phạm Thị Ánh M, mà do bà Phạm Thị Ánh M tự nguyện là đơn xin nghỉ hưu trước tuổi và các chế độ, chính sách được Nhà nước giải quyết theo đúng quy định. Do đó việc bà Phạm Thị Ánh M yêu cầu UBND huyện K trả tiền lương bị thất thu trong 01 năm, số tiền là 48.000.000 đồng là không đúng và không có cơ sở để xem xét.

* Thiệt hại về thất thu do không tiếp tục cho thuê diện tích đất bị quy hoạch làm đường N11 từ năm 2015 đến nay là 05 năm, số tiền là 300.000.000 đồng. Đất của bà Phạm Thị Ánh M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mọi quyền lợi được thực hiện theo Luật đất đai, việc quy hoạch là thẩm quyền của nhà nước, nhưng UBND huyện chưa triển khai thu hồi đất và cũng không ngăn cản việc cho thuê đất của bà Phạm Thị Ánh M. Cho nên bà Phạm Thị Ánh M yêu cầu UBND huyện K, trả tiền thiệt hại về thất thu do không tiếp tục cho thuê diện tích đất bị quy hoạch làm đường N11 số tiền là 300.000.000 đồng là không đúng và không có cơ sở.

* Tiền thuê luật sư và chi phí đi lại của luật sư, số tiền là 200.000.000 đồng. Khi thu hồi đất làm đường N5, bà Phạm Thị Ánh M không đồng ý và đã khiếu nại đến UBND huyện, UBND huyện đã xác M và ban hành quyết định giải quyết lần đầu, việc thuê Luật sư để bảo vệ quyền lợi hay tư vấn là quyền của công dân; đồng thời trong quá trình xác M giải quyết và đối thoại với người khiếu nại, không có Luật sư tham gia bảo vệ quyền lợi cho bà Phạm Thị Ánh M. Cho nên bà Phạm Thị Ánh M yêu cầu UBND huyện K, trả tiền thuê luật sư và chi phí đi lại của luật sư, số tiền là 200.000.000 đồng là không đúng.

* Thiệt hại về tiền thuê người viết đơn, số tiền là 15.000.000 đồng; tiền gửi đơn (chi phí hóa đơn + xăng xe), số tiền là 5.000.000 đồng và thiệt hại về chi phí đi lại (tiền thuê xe ô tô và chi phí ăn uống khi xuống tỉnh làm việc), số tiền là 30.000.000đ. Việc thuê người viết đơn hay gửi đơn khiếu nại, tố cáo là quyền của công dân, công dân có quyền viết đơn và gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền khiếu nại để bảo vệ quyền lợi của mình, hay tố cáo việc làm vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, khi giải quyết khiếu nại hay tố cáo của công dân, cơ quan có thẩm quyền mời người khiếu nại, tố cáo đến để làm việc hoặc cung cấp hồ sơ, chứng cứ đó là quyền của cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nhưng người khiếu nại, tố cáo không thể buộc cơ quan bị khiếu nại hay bị tố cáo phải trả chi phí viết đơn, chi phí gửi đơn hay chi phí đi lại và ăn uống cho nguyên đơn được, chưa có luật pháp nào quy định.

* Tiền tổn thất về tinh thần, danh dự của bà M và việc cán bộ vu khống, trù dập nhiều năm, số tiền là 500.000.000 đồng. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ UBND huyện chưa làm gì và cũng chưa bao giờ làm những việc gì tổn thất đến tinh thần của bà Phạm Thị Ánh M.

Căn cứ Điều 7 Luật Bồi thường trách nhiệm của Nhà nước năm 2017 quy định về: “*Căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*”, thì các nội dung yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Phạm Thị Ánh M không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước của UBND huyện.

Theo Thông báo số 78/TB-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông, về kết quả giải quyết tố cáo của bà Phạm Thị Ánh M nêu: “*Các thiếu sót, hạn chế trong quá trình ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của bà Phạm Thị Ánh M đã được UBND huyện K ban hành quyết định điều chỉnh, bổ sung khắc phục; tuy nhiên các thiếu sót này chính là nguyên nhân gây bức xúc cho người bị thu hồi đất, yêu cầu UBND huyện K tổ chức xin lỗi người bị thu hồi đất vì đã để xảy ra các sai sót như kết luận nêu trên.*” không yêu cầu UBND huyện K thực hiện bồi thường thiệt hại cho gia đình bà Phạm Thị Ánh M. Qua đó, UBND huyện K đã thực hiện việc xin lỗi đối với bà Phạm Thị Ánh M (Thư xin lỗi ngày 06/9/2018), đồng thời xem xét, xử lý trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân thiếu trách nhiệm nêu tại Thông báo số 78/TB-UBND ngày 24/7/2018 theo quy định.

Quan điểm của UBND huyện: Việc bà Phạm Thị Ánh M yêu cầu UBND huyện K bồi thường thiệt hại cho gia đình bà theo Luật Bồi thường trách nhiệm của Nhà nước trên cơ sở Thông báo số 78/TB-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông, về kết quả giải quyết tố cáo là chưa đủ cơ sở pháp lý.

Ngày 29/9/2021 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc UBND huyện K bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn những khoản sau:

1/ Chi phí điều trị tâm lý, thuốc men, bồi bổ cho mẹ bà M; tiền thuê bác sĩ điều trị 50.000.000đ, tiền vé máy bay đưa mẹ của bà M vào Sài Gòn 25.000.000đ tiền bồi bổ chăm sóc cho mẹ bà M 25.000.000đ. Tổng cộng là 100.000.000đ;

2/ Thiệt hại về kinh tế do tài sản bị xâm phạm do ban quản lý dự án cho đơn vị thi công phá bờ ao của bà M từ tháng 6/2016 cho đến nay nên bà M không thể tưới cho vườn cây và không thể nuôi cá tính từ năm 2016 cho đến nay là 05 năm mỗi năm thất thu 30.000.000đ, tổng cộng là 150.000.000đ;

3/ Tiền lương bị thất thu trong 01 năm là 48.000.000đ;

4/ Thiệt hại về thất thu do không tiếp tục cho thuê diện tích đất bị quy hoạch làm đường N11 từ năm 2015 cho đến nay là 05 năm. Tiền cho thuê 5.000.000đ/ tháng, tổng thiệt hại là 300.000.000đ;

5/ Tiền thuê luật sư theo hợp đồng là 150.000.000đ.

6/ Thiệt hại về tiền thuê người viết đơn chi phí mỗi đơn 1.500.000đ x 10 đơn = 15.000.000đ;

7/ Tiền gửi đơn 5.000.000đ (chi phí hóa đơn, xăng xe, tiền photo in ấn).

8/ Thiệt hại về chi phí đi lại bao gồm: tiền thuê xe ô tô và chi phí ăn uống xuống tỉnh làm việc 01 chuyến xe + ăn uống là 1.500.000đ, tổng số lần đi là 20 lần x 1.500.000đ = 30.000.000đ;

9/ Tiền tổn thất về tinh thần 100 tháng lương cơ sở là 149.000.000đ, danh dự của bà M và việc ủy ban nhân dân huyện K vu khống, trù dập trong nhiều năm yêu cầu bồi thường cho bà M 10 tháng lương cơ sở là 14.900.000đ, tổng cộng là 163.900.000đ;

Tổng cộng là 961.900.000đ

10/ Buộc Ủy ban nhân dân huyện K phục hồi danh dự cho bà M, tổ chức nơi bà M làm việc giai đoạn 2015-2017. Phục hồi các danh hiệu thi đua khen thưởng cho bà M và cho tổ chức nơi bà M làm việc.

Rút yêu cầu về việc buộc UBND huyện K tổ chức công khai xin lỗi bà M và tổ chức nơi bà M làm việc tại Ủy ban nhân dân xã D để các cơ quan báo chí, người dân và các tổ chức tham dự chứng kiến.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên quan điểm, không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ánh M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán, thư ký phiên tòa, hội

đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng HĐXX xác định quan hệ tranh chấp “Yêu cầu bồi thường theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước” là không đúng mà phải xác định quan hệ tranh chấp là “Bồi thường Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính”. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền gửi đơn và chi phí xăng xe là 5.000.000đ. Các yêu cầu còn lại không có cơ sở nên đề nghị HĐXX không chấp nhận. Áp dụng Điều 76 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước để miễn án phí cho các đương sự.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ gồm: 01 sổ hộ khẩu (Bản sao); Thông báo số 78/TB-UBND ngày 24/7/2018 về kết quả giải quyết tố cáo (bản photo), Thư xin lỗi của UBND huyện K (Bản sao); Văn bản yêu cầu bồi thường; Biên bản là việc ngày 13/8/2020 (Bản sao); Hợp đồng luật sư trợ giúp pháp lý (Bản sao); Biên bản giám định y khoa số: 31/GĐYK-KNLĐ ngày 26/6/2017 (Bản sao); Quyết định số: 1500/QĐ-BHXXH ngày 12/9/2017 V/v hưởng chế độ hưu trí hàng tháng (Bản sao); Bảng lương năm 2017 (Bản photo); Hồ sơ bệnh án của bà Nguyễn Thị Nhạn (Bản chính); Giấy xác nhận việc thuê phương tiện vận chuyển; Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 15/7/2016; Biên nhận về việc bồi thường thiệt hại về cây cối bị phá; biên nhận về việc kiểm tra hiện trạng công trình (đều là bản gốc).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh M khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện K bồi thường thiệt hại do chủ tịch UBND huyện ký các quyết định thu hồi đất của hộ bà Phạm thị Ánh M trái pháp luật. Nên đây là tranh chấp về bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước được quy định tại khoản 14 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 11 Điều 17 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh M cư trú tại tổ 2, thị trấn M, huyện K và bị đơn có trụ sở đặt tại thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật

Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Sau buổi làm việc ngày 13/8/2020 giữa bà Phạm Thị Ánh M với Thanh tra huyện K về việc thương lượng bồi thường không thành, ngày 27/8/2020 bà Phạm Thị Ánh M khởi kiện ra Tòa án. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 52 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX thấy rằng:

[2.1] Năm 2016, bà Phạm Thị Ánh M khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện K về việc ra quyết định thu hồi đất của bà không đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào Thông báo số 78/TB-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã kết luận việc tố cáo của bà M là đúng. Căn cứ vào thư xin lỗi ngày 06/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện K bà M đã có văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện K bồi thường cho bà theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 13/8/2020 giữa Thanh tra huyện K và bà Phạm Thị Ánh M về việc thương lượng bồi thường không thành. Ngày 27/8/2021 bà M nộp đơn khởi kiện. Căn cứ khoản 8 Điều 46 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì bà M có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thị Ánh M yêu cầu UBND huyện K bồi thường những khoản sau:

- Chi phí điều trị tâm lý, thuốc men, bồi bổ cho mẹ bà M; Tiền thuê bác sỹ điều trị 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng), tiền vé máy bay đưa mẹ bà M vào Sài Gòn 25.000.000đ, tiền bồi bổ và chăm sóc mẹ bà M 25.000.000đ. Tiền yêu cầu bồi thường là: $50.000.000 + 25.000.000 + 25.000.000 = 100.000.000$ đồng (Một trăm triệu đồng);

- Thiệt hại về kinh tế do không chăm sóc được vườn cây tính từ năm 2014 cho đến nay là 07 năm mỗi năm thất thu khoảng 30.000.000 đồng. Số tiền yêu cầu bồi thường là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ năm} = 210.000.000\text{đ}$ (Hai trăm mười triệu đồng);

- Tiền lương bị thất thu trong 01 năm: $4.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 48.000.000\text{đ}$ (Bốn mươi tám triệu đồng);

- Thiệt hại về thất thu do không tiếp tục cho thuê diện tích đất bị quy hoạch làm đường N11 từ năm 2015 cho đến nay là 05 năm. Tiền cho thuê 01 tháng 5.000.000đ \Rightarrow 01 năm = $5.000.000\text{đ} \times 12 \text{ tháng} = 60.000.000\text{đ/năm}$. Tổng thiệt hại là $60.000.000\text{đ} \times 5 \text{ năm} = 300.000.000\text{đ}$ (Ba trăm triệu đồng);

- Tiền thuê luật sư và chi phí đi lại của luật sư là 200.000.000 đồng trong đó theo hợp đồng là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền đi lại.

- Thiệt hại về tiền thuê người viết đơn chi phí như sau: 01 đơn chi phí là 1.500.000 đồng \times 10 đơn = 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng);

- Tiền gửi đơn 5.000.000đ (Năm triệu đồng) (chi phí hóa đơn + xăng xe);
- Thiệt hại về chi phí đi lại như sau: Tiền thuê xe ô tô và chi phí ăn uống khi đi xuống tỉnh làm việc 01 chuyến xe + ăn uống là 1.500.000đ tổng số lần đi tỉnh 20 lần số tiền thiệt hại $1.500.000đ \times 20 = 30.000.000đ$ (Ba mươi triệu đồng).
- Tiền tổn thất về tinh thần, danh dự của bà M và việc bị cán bộ vu khống, trù dập trong nhiều năm yêu cầu bồi thường cho bà M 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Tổng cộng 1.408.000.000đ (Một tỷ bốn trăm lẻ tám triệu đồng).

Buộc Ủy ban nhân dân huyện K phục hồi danh dự cho bà M, tổ chức nơi bà M làm việc giai đoạn 2015-2017. Phục hồi các danh hiệu thi đua khen thưởng cho bà M và cho tổ chức nơi bà M làm việc.

Buộc UBND huyện K tổ chức công khai xin lỗi bà M và tổ chức nơi bà M làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Đắc D rõ đề các cơ quan báo chí, người dân và các tổ chức tham dự.

Ngày 29/9/2021, bà M gửi đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện, bà chỉ yêu cầu ủy ban nhân dân huyện bồi thường cho bà tổng số tiền 961.900.000đ, trong đó có sự tăng giảm giữa các khoản yêu cầu và buộc Ủy ban nhân dân huyện K phục hồi danh dự cho bà M, tổ chức nơi bà M làm việc giai đoạn 2015-2017. Phục hồi các danh hiệu thi đua khen thưởng cho bà M và cho tổ chức nơi bà M làm việc. Xét thấy, việc thay đổi nội dung khởi kiện đối với yêu cầu của bà M đối với các khoản thiệt hại vật chất không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX sẽ xem xét.

Tại điều 7 của Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước quy định về căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước như sau:

“1. Nhà nước có trách nhiệm bồi thường khi có đủ các căn cứ sau đây:

a/ Có một trong các căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra thiệt hại và yêu cầu bồi thường tương ứng với quy định tại khoản 2 Điều này.

b/ Có thiệt hại thực tế của người bị thiệt hại thuộc trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định của Luật này;

c/ Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế và hành vi gây thiệt hại.

...”

HĐXX xét thấy, việc Ủy ban nhân dân huyện K phê duyệt các dự án làm đường N11, N5 và Quảng trường có sự nấn tuyền theo hướng xâm phạm vào đất đai gia đình bà là có thật. Việc ủy ban huyện ký các quyết định thu hồi diện tích đất của bà M nhiều hơn so với diện tích con đường được UBND tỉnh phê duyệt đi qua đất bà M là có thật. Tuy nhiên, sau khi nhận quyết định thu hồi đất bà M không đồng ý và đã có khiếu nại. Trên thực tế dự án làm các con đường này đến vị trí đất nhà bà M đều phải dừng lại. Về cơ sở pháp lý, có việc ra quyết định trái pháp luật của UBND huyện K tuy nhiên trên thực tế, Ủy ban nhân dân huyện chưa có biện pháp cưỡng chế hay ra các quyết định hành chính ngăn cản bà M sử dụng quản lý đất, tài sản trên đất cũng như xâm phạm đến sức khỏe của bà M và người thân của bà M. Đối với việc cưỡng

chế kiểm đếm sai quy định đã được đơn vị thi công thỏa thuận bồi thường cho bà M. Bà M cũng đã nhận tiền đền bù và không có yêu cầu gì trong vụ án này. Áp dụng Điều 23; Điều 26 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, HĐXX xét thấy: Đối với các yêu cầu về chi phí điều trị tâm lý, thuốc men cho mẹ bà M, tiền thuê bác sĩ, tiền vé máy bay để chữa trị cho bà mẹ bà M số tiền 100.000.000đ; tiền thiệt hại về kinh tế do không chăm sóc vườn cây 210.000.000đ, thiệt hại về thất thu do không tiếp tục cho thuê đất 300.000.000đ là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

Đối với tiền lương bị thất thu trong 01 năm là 48.000.000đ, HĐXX xét thấy: Việc bà M nghỉ hưu trước tuổi là tự nguyện, bà có đơn xin nghỉ hưu trước tuổi do mất sức lao động. UBND huyện K không kỷ luật và cũng không buộc thôi việc đối với bà Phạm Thị Ánh M. Các chế độ, chính sách được Nhà nước giải quyết theo đúng quy định. Do đó, áp dụng Điều 24 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, việc bà Phạm Thị Ánh M yêu cầu UBND huyện K trả tiền lương bị thất thu trong 01 năm, số tiền 48.000.000 đồng là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

Đối với chi phí đi lại như tiền thuê ô tô và chi phí ăn uống khi đi làm việc ở tỉnh Đắk Nông về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo là 1.500.000đ, số lần đi tỉnh 20 lần, tổng cộng: 30.000.000đ. Theo hướng dẫn tại thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị: Bà M không cung cấp cho Tòa án hóa đơn chứng từ hợp pháp thể hiện bà thuê xe đi tỉnh, số lần đi, mục đích để giải quyết khiếu nại. Do đó, áp dụng điểm a khoản 2 Điều 28 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, HĐXX không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà M.

Đối với tiền thuê luật sư và chi phí đi lại của Luật sư là 150.000.000đ, HĐXX xét thấy: Bà M cung cấp cho HĐXX 01 hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa Văn phòng luật sư Thanh N - chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với bà M, tại điều 1 của hợp đồng ghi: *“1.1 Nội dung công việc:*

Thông qua trao đổi và làm việc với nhau, hai bên thống nhất Bên A sẽ thực hiện các công việc liên quan đến việc thu hồi đất trái quy định của UBND huyện K đối với bên B và các việc có liên quan đến việc khiếu nại tố cáo về thu hồi đất của bên B đối với UBND huyện K.

1.2. Phương thức thực hiện:

- Bên A sẽ cử luật sư và nhân viên thực hiện nội dung công việc làm việc với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để giải quyết công việc.

- Hợp tác với các văn phòng Luật sư khác để cùng nghiên cứu đẩy nhanh tiến độ công việc.

- Cử người phát ngôn cung cấp thông tin cho báo chí, chủ trì họp báo cung cấp thông tin

- Tư vấn, giải quyết vấn đề pháp lý liên quan đến vụ việc

- Soạn thảo các văn bản, tài liệu có liên quan vụ việc”

...

Tuy nhiên, trong suốt quá trình khiếu nại, tố cáo tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tại UBND huyện K, chỉ thể hiện bà M là người trực tiếp làm việc với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ngoài ra, không có ai khác thay mặt bà để thực hiện các công việc như trong nội dung hợp đồng thể hiện. Bà M không cung cấp được các chứng cứ về việc có luật sư giúp bà giải quyết các vấn đề liên quan đến khiếu nại, tố cáo. Ngày 05/4/2016 Ủy ban nhân dân huyện mới ban hành thông báo thu hồi đất của hộ gia đình bà. Tại thời điểm này bà mới biết được quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm nhưng hợp đồng về dịch vụ pháp lý giữa bà và Văn phòng luật sư Thanh N - chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh được ký kết vào 5/5/2015, thể hiện nội dung công việc liên quan đến khiếu nại, tố cáo đến việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện là không phù hợp và không thực tế. Bà M cũng không cung cấp được các chứng cứ chứng M về quá trình làm việc giữa bà và Văn phòng luật sư. Do đó, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận tiền thuê luật sư của bà M với số tiền 150.000.000đ.

Đối với thiệt hại về tiền thuê người viết đơn là 1.500.000đ x 10 đơn = 15.000.000đ. HĐXX xét thấy, thực tế có việc bà M khiếu nại, tố cáo và soạn thảo đơn. Tuy nhiên, mức yêu cầu 1.500.000đ/đơn là cao và không phù hợp. Theo kết quả xác minh tại một số Văn phòng luật sư trên địa bàn huyện K, chi phí soạn thảo đơn khiếu nại tố cáo là 1.000.000đ/đơn. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 28 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, HĐXX chỉ chấp nhận yêu cầu tiền thuê người viết đơn của bà M với mức mức giá 1.000.000đ/đơn x 10 đơn = 10.000.000đ.

Đối với tiền gửi đơn và chi phí xăng xe số tiền 5.000.000đ, căn cứ vào hóa đơn chứng từ bà M cung cấp thể hiện cước phí gửi đơn là: 1.544.000đ, do đó, HĐXX chỉ có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà M với số tiền 1.544.000đ.

Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần 100 tháng lương cơ sở là 149.000.000đ, danh dự của bà M và việc Ủy ban nhân dân huyện K vu khống, trù dập trong nhiều năm yêu cầu bồi thường cho bà M 10 tháng lương cơ sở là 14.900.000đ, tổng cộng 163.900.000đ. HĐXX xét thấy, yêu cầu của bà M không thuộc trường hợp được bồi thường thiệt hại về tinh thần theo Điều 27 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Do đó, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần của bà M số tiền 163.900.000đ.

Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện K phục hồi danh dự cho bà M, tổ chức nơi bà M làm việc giai đoạn 2015-2017. Phục hồi các danh hiệu thi đua khen thưởng cho bà M và cho tổ chức nơi bà M làm việc, HĐXX xét thấy yêu cầu này của bà M không thuộc trường hợp được giải quyết theo Điều 31 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nên HĐXX không chấp nhận.

[2.2] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút yêu cầu buộc UBND huyện K tổ chức công khai xin lỗi bà M và tổ chức nơi bà M làm việc tại Ủy ban nhân dân xã D. Xét việc rút yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà M.

[2.3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cho rằng HĐXX xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Yêu cầu bồi thường theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước” là không đúng là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận. Đối với việc đại diện VKS đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền chi phí gửi đơn và xăng xe là 5.000.000đ là chưa xem xét đến tính hợp pháp của tất cả các hóa đơn chứng từ mà nguyên đơn cung cấp. Nên HĐXX chỉ chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với số tiền 1.544.000đ. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các khoản tiền chi phí điều trị thuốc men bồi bổ cho mẹ bà M 100.000.000đ; tiền thiệt hại về kinh tế do tài sản bị xâm phạm 150.000.000đ; tiền lương bị thất thu 01 năm 48.000.000đ; thiệt hại về thất thu do không tiếp tục cho thuê diện tích đất bị quy hoạch 300.000.000đ; tiền thuê luật sư 150.000.000đ; Thiệt hại về chi phí ăn uống đi lại khi đi trung tâm tỉnh Đắk Nông để giải quyết khiếu nại, tố cáo 30.000.000đ; tiền tổn thất tinh thần 163.900.000đ là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 76 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, các đương sự không phải nộp án phí DSST.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 144; Điều 147; Khoản 1, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 5; Điều 6; Điều 7; khoản 6 Điều 10; khoản 11 Điều 17; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 31; khoản 8 Điều 46; khoản 2 Điều 52; Điều 53; Điều 76 của Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh M về việc “Yêu cầu bồi thường theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện K phải bồi thường cho bà Phạm Thị Ánh M 11.544.000đ (*Mười một triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*), trong đó chi phí gửi đơn là 1.544.000đ (*Một triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) và chi phí thuê viết đơn số tiền: 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ánh M về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện K phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe của mẹ bà M, tiền thiệt hại về kinh tế do không chăm sóc được vườn cây, tiền mất thu nhập do không cho thuê mặt bằng, tiền mất tiền lương trong 01 năm, tiền thuê luật sư, tiền xăng xe đi lại và cước phí gửi đơn, một phần tiền thuê người viết đơn, tiền tổn thất về tinh thần với tổng số tiền là 950.356.000đ (*Chín trăm năm mươi triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M về việc “Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện K phục hồi danh dự cho bà M, tổ chức nơi bà M làm việc giai đoạn 2015-2017; Phục hồi các danh hiệu thi đua khen thưởng cho bà M và cho tổ chức nơi bà M làm việc”.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu “Buộc Ủy ban nhân dân huyện xin lỗi công khai bà Phạm Thị Ánh M và tổ chức nơi bà M công tác tại Ủy ban nhân dân xã D”.

2. Về án phí: Các đương sự không phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; đại diện theo pháp luật của bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

